

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ GÒ CÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 145/2021/DSST

Ngày: 20/10/2021

V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay
tài sản và hợp đồng góp hụi”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GÒ CÔNG, TỈNH TIỀN GIANG**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Nhi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trương

2. Bà Bùi Thu Hảo

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị An Thư - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Gò Công;

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Kim Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 10 năm 2021, tại Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 132/2020/TLST-DS, ngày 06/10/2020, về việc tranh chấp: “*Hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi*,” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 116/2021/QĐXXST- DS, ngày 06 tháng 9 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 99/2021/QĐXXST- DS, ngày 24 tháng 9 năm 2021, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị C, sinh năm 1975;

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Ngô Văn H, sinh năm: 1971

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã BX, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang;

- *Bị đơn:* 1) Bà Cao Thị R, sinh năm 1982

2) Ông Võ Minh A, sinh năm: 1976

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã BX, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

(Ông H, bà R và ông A có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa - Nguyên đơn bà Lê Thị C và đại diện theo ủy quyền của bà C - Ông Ngô Văn H trình bày:*

Bà Cao Thị R vay tiền, mua hụi và góp hụi do bà C làm đầu thảo, cụ thể như sau:

- Về nợ vay: Ngày 05 tháng 10 năm 2016, bà R vay của bà C 120.000.000 đồng. Khi vay có làm biên nhận cùng ngày. Bà R ký tên và ghi họ tên vào biên nhận. Ngoài ra bà R còn ghi tên và họ tên chồng là ông Võ Minh A trong biên nhận. Sau khi vay, bà R có trả tiền lãi đến đầu năm 2018 thì ngưng, chưa trả vốn.

- Về hụi mua: Bà R có mua 07 phần hụi như sau:

Dây hụi mở ngày 02 tháng 01 năm 2018 (âm lịch), có 29 phần, 2.000.000 đồng/ phần. Bà R mua 03 phần tại kỳ hụi đầu, tổng số tiền là 168.000.000 đồng (mỗi phần là 56.000.000 đồng). Sau khi mua hụi, bà R không góp lại lần nào nên nay còn nợ bà C 168.000.000 đồng.

Dây hụi mở ngày 05 tháng 10 năm 2018 (âm lịch), có 23 phần, 5.000.000 đồng/ phần. Bà R mua 01 phần hụi ngày 05 tháng 12 năm 2018 (âm lịch), số tiền 110.000.000 đồng và đến ngày 05 tháng 02 năm 2019 (âm lịch) mua tiếp 01 phần hụi số tiền 110.000.000 đồng. Sau khi mua hụi, bà R không góp lại lần nào nên nay còn nợ bà C 220.000.000 đồng.

Dây hụi mở ngày 05 tháng 10 năm 2018 (âm lịch), có 25 phần, 2.000.000 đồng/ phần. Bà R mua 01 phần số tiền là 48.000.000 đồng. Sau khi mua hụi, bà R không góp lại lần nào.

Dây hụi mở ngày 10 tháng 02 năm 2019 (âm lịch), có 30 phần, 2.000.000 đồng/ phần. Bà R mua 01 phần vào ngày 10 tháng 3 năm 2019, số tiền là 58.000.000 đồng và đến ngày 10 tháng 4 năm 2019, mua tiếp 01 phần số tiền là 58.000.000 đồng. Sau khi mua hụi, bà R không góp lại lần nào nên nay còn nợ bà C 116.000.000 đồng.

Tổng số tiền hụi mua bà R còn nợ bà C là: 552.000.000 đồng.

- Về Hụi góp: Bà R có tham gia góp 03 phần hụi như sau:

Dây hụi mở ngày 05 tháng 10 năm 2018 (âm lịch), có 23 phần, 5.000.000 đồng/ phần. Bà R góp 01 phần và hốt hụi ngày 05 tháng 10 năm 2018 (âm lịch). Sau khi hốt hụi, bà R còn phải góp lại 22 kỳ hụi chết với số tiền là 110.00.000 đồng nhưng bà R chưa góp kỳ nào.

Dây hụi mở ngày 20 tháng 01 năm 2018 (âm lịch), có 29 phần, 2.000.000 đồng/ phần. Bà R góp 01 phần và hốt hụi ngày 20 tháng 02 năm 2018 (âm lịch). Sau khi hốt hụi, bà R có góp được 12 kỳ hụi chết thì ngưng và còn nợ lại 16 kỳ hụi chết là 32.000.000 đồng nhưng bà R chưa góp kỳ nào.

Dây hụi mở cùng ngày 20 tháng 01 năm 2018 (âm lịch), có 29 phần, 2.000.000 đồng/ phần. Bà R góp 01 phần và hốt hụi ngày 20 tháng 1 năm 2018 (âm lịch). Sau khi hốt hụi, bà R còn phải góp lại 28 kỳ hụi chết là 56.000.000 đồng nhưng bà R chưa góp kỳ nào.

Tổng số tiền hụi góp bà R còn nợ bà C là 198.000.000 đồng.

Tổng cộng, bà R nợ bà C tiền hụi mua và hụi góp là 750.000.000 đồng. Đến ngày 10 tháng 4 năm 2020 (âm lịch) bà R xin góp 01 phần hụi khác và hốt hụi được 145.000.000 đồng. Bà R có trả cho bà C là 145.000.000 đồng, tiền nợ hụi nên còn nợ lại bà C 605.000.000 đồng.

Tổng cộng, tiền vay và tiền hụi bà R còn nợ bà C là 725.000.000 đồng.

Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 8 năm 2020, bà C kiện bà R và ông A cùng có nghĩa vụ trả 725.000.000 đồng. Ngày 01 tháng 6 năm 2021, bà C xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu ông A trả nợ.

Nay bà C chỉ có chứng cứ chứng minh bà R có tham gia mua các dây hụi nhưng không có chứng cứ chứng minh bà R còn nợ tiền hụi tổng cộng là 605.000.000 đồng. Do đó, bà C xin rút một phần yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu bà R trả 605.000.000 đồng tiền hụi, không yêu cầu ông A trả tiền. Bà C yêu cầu bà R trả 120.000.000 đồng tiền vay khi án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu trả tiền lãi.

** Tại biên bản hòa giải ngày 01 tháng 7 năm 2021 và tại phiên tòa - Bị đơn, bà Cao Thị R trình bày:*

Tôi có vay của bà C 120.000.000 đồng vào ngày 05 tháng 10 năm 2016, đến nay chưa trả. Nay đồng ý trả bà C 120.000.000 đồng nhưng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên xin trả mỗi năm 40.000.000 đồng.

Tôi không nợ tiền hụi bà C nên không đồng ý trả tiền hụi theo yêu cầu của bà C.

* Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý, thông báo phiên họp kiểm tra giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho ông Võ Minh A hợp lệ, nhưng ông A không đến Tòa án trình bày ý kiến.

* Theo Kết luận giám định số 1421/C09B, ngày 01 tháng 6 năm 2021 của Phân Viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh, xác định chữ ký tên Rông, An và chữ viết họ tên Cao Thị R, Võ Minh A trong biên nhận mượn tiền mừng 5 tháng 10 năm 2016 là do bà R ký và viết; Các chữ viết “Tư A” trong 02 tờ giấy ghi việc góp hụi là do bà R viết. Riêng dòng chữ “*Tư A Mượn Hụi Mừng*” trong tờ giấy ghi tổng số tiền hụi là 605.000.000 đồng, không phải do bà R viết.

** Ý kiến của Viện kiểm sát:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo các văn bản tố tụng, cũng như tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Về nội dung giải quyết: Căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 227, 228 và 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Đối với tiền vay: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa. Bà R thừa nhận có nợ bà C 120.000.000 đồng tiền vay và đồng ý trả nên đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà R trả cho bà C số tiền vay còn nợ là 120.000.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật. Bà C không yêu cầu trả tiền lãi nên không xem xét.

Đối với số tiền mua hui và góp hui: Tại phiên tòa, Ông H xin rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà C, không yêu cầu bà R trả là 605.000.000 đồng tiền hui, không yêu cầu ông A trả nợ nên đình chỉ phần yêu cầu này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ tranh chấp giữa bà Lê Thị C và bà Cao Thị R là tranh chấp về “*Hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hui*” theo qui định tại khoản 3 điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Võ Minh A vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ 2, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vắng mặt ông Võ Minh A.

Xét yêu cầu trả tiền vay: Tại phiên tòa, Ông H yêu cầu bà R trả cho bà C số tiền vay còn nợ là 120.000.000 đồng. Bà R thừa nhận có vay của bà C 120.000.000 đồng, đến nay chưa trả. Bà R đồng ý trả bà C 120.000.000 đồng. Đây là sự tự nguyện của bà R nên ghi nhận.

Xét yêu cầu trả tiền hui: Tại phiên tòa, Ông H xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của bà C về việc không yêu cầu bà R trả 605.000.000 đồng tiền hui. Đây là sự tự nguyện của bà C và không trái quy định pháp luật nên đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 8 năm 2010, bà C yêu cầu ông Võ Minh A cùng có nghĩa vụ trả tiền với bà R. Ngày 01 tháng 6 năm 2021, bà C xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu ông A trả tiền, nên đình chỉ giải quyết yêu cầu này.

Xét về thời gian trả: Bà C yêu cầu bà R trả 120.000.000đ làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật. Bà R xin trả mỗi năm 40.000.000 đồng. Xét thấy, khi vay các bên thỏa thuận sau vài tháng sẽ trả lại tiền. Từ khi vay đến nay đã hơn 5 năm, nhưng bà R chưa trả tiền cho bà C là làm thiệt thòi cho quyền lợi của bà C. Do đó, cần

buộc bà R trả cho bà C 120.000.000đ khi án có hiệu lực pháp luật. Bà C không yêu cầu trả tiền lãi nên không xem xét.

Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 8 năm 2020, bà C kiện bà R và ông A cùng trả nợ. Ngày 01 tháng 6 năm 2021, bà C rút lại một phần yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu ông A cùng trả tiền với bà R. Tại phiên tòa, Ông H xin rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà C là không yêu cầu bà R trả 605.000.000 đồng tiền hui. Đây là sự tự nguyện của phía nguyên đơn nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với các yêu cầu này.

Xét thấy ý kiến phân tích và đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật, nên được chấp nhận.

Về án phí: Yêu cầu của bà C được chấp nhận nên bà C không phải nộp án phí. Bà R có nghĩa vụ trả tiền nên phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Ông A không phải nộp án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 463 và 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị C.
- Buộc bà Cao Thị R có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị C số tiền vay còn nợ là 120.000.000 (*một trăm hai mươi triệu*) đồng, khi án có hiệu lực pháp luật.
- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị C về việc yêu cầu bà Cao Thị R trả số tiền hui 605.000.000 (*sáu trăm lẻ năm triệu*) đồng. Bà Nguyễn Thị Cúc được quyền khởi kiện lại đòi tiền nợ hui, theo quy định của pháp luật.
- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị C về việc yêu cầu ông Võ Minh A trả tiền.
- Về án phí:
 - + Bà Cao Thị R phải nộp 6.000.000 (*sáu triệu*) đồng, án phí dân sự sơ thẩm.
 - + Bà Lê Thị C không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Lê Thị C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 16.500.000 (*mười sáu triệu năm trăm nghìn*) đồng, theo biên lai thu số 43997, ngày 06 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Gò Công.

+ Ông Võ Minh A không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Đến hạn trả tiền, nếu bà Cao Thị R không thực hiện việc trả tiền theo thời gian trên thì hàng tháng phải trả thêm khoản lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án đến Tòa án tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt bản án hợp lệ.

**TM. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND TXGC;
- THA Dân sự TXGC;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

NGUYỄN THỊ HOÀNG NHI